

Số /TB-ĐHKT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

THÔNG BÁO

Tuyển sinh chương trình Thạc sĩ Quản trị kinh doanh liên kết giữa Trường Đại học Kinh tế-ĐHQGHN và Đại học St. Francis, Hoa Kỳ Khóa 3, Niên khóa 2023-2025

Căn cứ Quyết định số 1226/QĐ-ĐHQGHN ngày 24/4/2020 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc phê duyệt liên kết đào tạo với nước ngoài giữa Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội với Đại học St. Francis, Hoa Kỳ, chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh, do đối tác cấp bằng;

Căn cứ công văn số 783/BGDĐT-QLCL ngày 12/03/2020 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận văn bằng các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài tại ĐHQGHN;

Nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường đối với nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN liên kết với Đại học St. Francis, Hoa Kỳ tổ chức tuyển sinh Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (Master of Business Administration) Khóa 3, niên khóa 2023–2025.

Thông tin cơ bản về chương trình và công tác tuyển sinh năm 2023 như sau:

1. Những đặc điểm chính và giá trị vượt trội của Chương trình:

- Là Chương trình Hoa Kỳ có chất lượng đào tạo hàng đầu tại Việt Nam hiện nay; được ĐHQGHN cấp phép đào tạo chính thức và được Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận văn bằng Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

- Có ba chuyên sâu (concentration) cho học viên lựa chọn:

- Quản trị (Management);
- Quản lý chuỗi cung ứng (Supply Chain Management);
- Quản lý Dịch vụ Y tế (Health Administration).

- Đội ngũ giảng viên là các chuyên gia đẳng cấp quốc tế. 50% học phần trong chương trình (18/36 tín chỉ) do Đại học St. Francis đảm nhiệm.

- Diễn giả khách mời (Guest Speakers) là các chuyên gia hàng đầu, lãnh đạo có tầm ảnh hưởng lớn trong lĩnh vực Kinh doanh Quốc tế, Quản trị Chuỗi Cung ứng và Quản lý Dịch vụ Y tế.

- Mức học phí ưu đãi, chỉ gần 40% so với học phí đào tạo tại Hoa Kỳ.

- Học viên tốt nghiệp được mời sang Hoa Kỳ nhận bằng nếu có nguyện vọng.

- Học viên được tham gia vào mạng lưới học viên và cựu học viên MBA của cả Hoa Kỳ và Việt Nam, được kết nối hợp tác với các tập đoàn chiến lược của trường, mở ra cơ hội thăng tiến, phát triển mối quan hệ kinh doanh.

- Dịch vụ đào tạo, công tác sinh viên, cơ sở vật chất tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo quyền lợi người học.

- Đơn vị cấp bằng là Đại học St. Francis đã có lịch sử hơn 100 năm tại Illinois, Hoa Kỳ. Nằm cách thành phố Chicago 30 dặm về phía Tây-Nam, Đại học St. Francis được biết đến là một trong những đơn vị chuyên môn lâu đời, chuyên nghiệp uy tín bậc nhất trong đào tạo cử nhân và thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh, Kế toán, Tài chính, Marketing, Quản trị nhân sự, Quản lý dịch vụ chăm sóc sức khỏe, Quản lý chuỗi cung ứng, Phân tích kinh doanh, Khoa học máy tính, vv ... Tạp chí uy tín The Princeton Review xếp hạng Đại học St. Francis vào danh sách các trường đại học tốt nhất hàng năm của họ trong 14 năm liên tiếp từ 2008 đến nay. U.S. News & World Report cũng đánh giá Đại học St. Francis là một trong số các trường đại học nằm trong danh sách xếp hạng đại học uy tín của họ như: “Trường đại học tốt nhất khu vực (Trung-Tây Hoa Kỳ)”, “Trường có các chương trình trực tuyến tốt nhất”, “Trường được đánh giá chất lượng cao nhất”. Đại học St. Francis cũng có tên trong Danh sách các trường đại học xuất sắc (Colleges of Distinction) của Hoa Kỳ từ năm 2011.

- Về kiểm định chất lượng đào tạo, Đại học St. Francis được Hiệp hội Các trường Đại học miền Bắc và Trung Hoa kỳ (The Higher Learning Commission (HLC) of the North Central Association of Colleges and Schools) kiểm định và cấp phép hoạt động. Các chương trình đào tạo về kinh doanh của Đại học St. Francis được Hiệp hội các Trường đại học và Chương trình Kinh doanh (Association of Collegiate Business Schools and Programs - ACBSP) kiểm định và chứng nhận về chất lượng đào tạo.

Khoa Quản lý Y tế (The School of Health Administration) của Trường là thành viên của Hiệp hội các Chương trình Đại học về Quản lý Y tế (The Association of University Programs in Health Administration - AUPHA), một mạng lưới toàn cầu gồm các trường cao đẳng, đại học, khoa chuyên môn, cá nhân và tổ chức chuyên về các hoạt động cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe thông qua việc đào tạo những con người xuất sắc trong quản lý dịch vụ chăm sóc sức khỏe và giáo dục chính sách trong y tế.

2. Chương trình đào tạo và bằng cấp

- Thời gian đào tạo: từ 18 - 24 tháng.
- Địa điểm đào tạo: Nhà E4, Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Chương trình đào tạo: 36 tín chỉ (36 semester credits).
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh.
- Bằng cấp: Học viên tốt nghiệp sẽ được Đại học St. Francis, Hoa Kỳ cấp bằng Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (Master of Business Administration) cùng bằng điểm có ghi rõ chuyên sâu mà học viên theo học.

Xem Phụ lục 1: Khung Chương trình đào tạo và học phần điều kiện kèm theo.

3. Đối tượng tuyển sinh và điều kiện dự tuyển:

Đối tượng tuyển sinh là công dân Việt Nam và người nước ngoài (tuyển sinh theo quy định hiện hành của ĐHQGHN) đáp ứng các điều kiện dưới đây:

3.1. Về văn bằng:

- Tốt nghiệp đại học của Việt Nam hoặc nước ngoài ngành Quản trị kinh doanh và các ngành khác (ứng viên tốt nghiệp các ngành khác phải học bổ sung kiến thức theo yêu cầu nếu bằng điểm đại học không có học phần với số tín chỉ tương đương. Danh mục các

học phần bổ sung kiến thức và đối tượng học xem tại Phụ lục 1: Khung Chương trình đào tạo và học phần điều kiện kèm theo).

- Điểm trung bình chung (GPA) của bảng điểm đại học đạt tối thiểu 2.75/4.0. Ứng viên có GPA thấp hơn 2.75 nhưng không dưới 2.0/4.0 có thể được chấp nhận trúng tuyển có điều kiện. Học viên trúng tuyển có điều kiện phải học và đạt ít nhất điểm 'B' cho 9 tín chỉ (3 học phần) đầu tiên trong chương trình học. Nếu không đạt điểm tối thiểu 'B' cho 3 học phần đầu tiên, học viên sẽ không được công nhận trúng tuyển chính thức.

- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định hiện hành.

3.2. Về ngoại ngữ:

- Có chứng chỉ ngoại ngữ (CCNN) tiếng Anh đạt tối thiểu trình độ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Quốc gia Hà Nội công nhận (*xem Phụ lục 3*) cấp hoặc tương đương (B2/CEFR; IELTS 5.5; TOEFL iBT 72....) còn trong thời hạn 2 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ; hoặc:

- Có bằng cử nhân hoặc thạc sĩ ngành tiếng Anh/giảng dạy tiếng Anh; hoặc:

- Có bằng cử nhân, thạc sĩ hoặc tiến sĩ của trường đại học nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là tiếng Anh. Những văn bằng này phải thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định hiện hành.

Ứng viên chưa đáp ứng được yêu cầu về năng lực ngoại ngữ đầu vào nhưng có kết quả học tập đại học tốt có thể được chấp nhận vào Chương trình MBA-USF và phải theo học một khóa tiếng Anh cho đến khi năng lực tiếng Anh đạt trình độ theo yêu cầu. Thời gian không quá 1 năm kể từ ngày có Thông báo trúng tuyển có điều kiện.

Sau khi tốt nghiệp, nếu có nhu cầu công nhận văn bằng, học viên cần nộp hồ sơ theo quy định của Cục Quản lý Chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.3. Về kinh nghiệm công tác:

- Người tốt nghiệp đại học ngành Quản trị kinh doanh được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp;

- Người tốt nghiệp đại học các ngành khác cần có 2 năm kinh nghiệm, trong đó có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm làm việc toàn thời gian (full-time) trong lĩnh vực liên quan.

3.4. Các yêu cầu khác:

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và/hoặc không trong thời gian thi hành án dân sự, được cơ quan nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Nhà trường.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh (dự kiến): 30 chỉ tiêu

Trường Đại học St. Francis, Hoa Kỳ và Trường Đại học Kinh tế có thể hủy khóa học nếu số lượng thí sinh trúng tuyển nhập học dưới 25 học viên.

5. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển hồ sơ

5.1. Danh mục hồ sơ tuyển sinh và nhập học: Theo Phụ lục 2 kèm theo

5.2. Quy trình xét tuyển:

Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Kinh tế sẽ xem xét, sơ tuyển hồ sơ tuyển sinh của ứng viên theo các quy định về yêu cầu đầu vào. Hồ sơ qua vòng sơ tuyển sẽ được gửi sang Đại học St. Francis để xem xét và ra quyết định cuối cùng.

6. Kinh phí tuyển sinh và đào tạo

- Lệ phí tuyển sinh: 1.433.700 đồng/thí sinh (tương đương 60 USD).
- Học phí khóa học chuẩn (mỗi học phần tổ chức 1 lần theo lịch học đã thông báo): 260.861.715 đồng/khóa/học viên (tương đương 10917 USD).
- Phí xét tốt nghiệp: 2.867.400 đồng/học viên (tương đương 120 USD) nộp trực tiếp cho Đại học St. Francis vào thời điểm nộp đơn đăng ký tốt nghiệp.
- Phí tổ chức Lễ tốt nghiệp: 4.779.000 đồng/học viên (tương đương 200 USD)
- *tỷ giá: 1USD = 23.895 VND (tạm tính theo tỷ giá bán ra của Vietcombank ngày 02/03/2023)*
- Hình thức thu các loại phí và học phí: chuyển khoản.
- Kinh phí đào tạo và các loại phí thu bằng đồng Việt Nam. Mức thu sẽ thay đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm thu.

7. Thời gian bắt đầu khóa học (dự kiến):

- **Lớp 1:** Tháng 6/2023
- **Lớp 2:** Tháng 12/2023

8. Thủ tục đăng ký và nhận hồ sơ:

- Từ ngày 15/03/2023 – 29/12/2023
- Ứng viên có thể mua và nộp hồ sơ tại địa chỉ:

Phòng Tuyển sinh

Phòng 102, Phòng 106 - Nhà E4 -144 Xuân Thủy - Cầu Giấy - Hà Nội.

Điện thoại liên hệ: 04. 3754 7506 (Ext. 508/518/666/888)

Hotline: 03 8535 8535; 0913 486 773

Nơi nhận:

- Ứng viên quan tâm;
- Phòng Tuyển sinh (để thực hiện);
- Phòng Đào tạo (để phối hợp th/h);
- Phòng KH-TC (để phối hợp th/h);
- Lưu VT, TTĐT&GDQT, L6.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Trung Thành

**Phụ lục 1: Khung Chương trình đào tạo
và Danh mục học phần bổ sung kiến thức (học phần điều kiện)**
(Kèm theo thông báo số /TB-ĐHKT ngày tháng năm 2023
của Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN)

1. Khung Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo áp dụng nguyên khung chương trình Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh đã được kiểm định của ĐH St. Francis tại Hoa Kỳ bao gồm 12 học phần học, 36 tín chỉ (semester credit hours), cụ thể như sau:

Curriculum: Master of Business Administration - MBA

| TT | Mã học phần | Tên học phần (Tiếng Anh/Tiếng Việt) | Tín chỉ | Đơn vị đảm nhiệm | Học phần điều kiện |
|----|---|---|---------|------------------|--|
| | MBA CORE COURSES/ Kiến thức cốt lõi về QTKD | | 12 | | |
| 1 | MBAD 611 | Managerial Economics Kinh tế học quản lý | 3 | VNU-UEB | Economics* |
| 2 | MBAD 616 | Managerial Finance* Tài chính quản trị | 3 | USF | FINC 242* |
| 3 | MBAD 621 | Managerial Accounting* Kế toán quản trị | 3 | VNU-UEB | ACCT 124* |
| 4 | MBAD 631 | Strategic Business Management*/ Quản trị kinh doanh chiến lược | 3 | USF | 30 tín chỉ và bao gồm: MBAD 611, MBAD 616, MBAD 621 |
| | COMPETENCY AREA / Kiến thức về năng lực QTKD: Chọn 4 học phần trong danh mục dưới đây: | | 12 | | |
| 5 | MBAD 606 | Marketing Management* Quản trị Marketing | 3 | USF | MKTG 175* |
| 6 | MBAD 641 | Human Resource Management Quản trị nguồn nhân lực | 3 | VNU-UEB | |
| 7 | MBAD 651 | Management and Organizational Behavior* Quản lý và Hành vi tổ chức | 3 | USF | MGMT 150* |
| 8 | MBAD 658 | Operations Management Quản lý hoạt động/sản xuất | 3 | VNU-UEB | |
| | MBAD 626** | Applied Business Research Models/Mô hình nghiên cứu kinh doanh ứng dụng | 3 | USF | |

| | | | | | |
|---|---------------|---|-----------|---------|--|
| | MBAD 646** | Ethical, Legal and Social Environment of the Firm Môi trường đạo đức, pháp lý và xã hội của doanh nghiệp | 3 | VNU-UEB | |
| | MBAD 650** | International Business/ Kinh doanh quốc tế | 3 | VNU-UEB | |
| | MBAD 671** | Special Topics/Chủ đề tự chọn đặc biệt | 3 | USF | |
| CONCENTRATION REQUIREMENT/ Kiến thức chuyên sâu: Chọn 1 trong các lĩnh vực chuyên sâu dưới đây | | | 12 | | |
| Health Administration/Quản lý dịch vụ y tế: Chọn 4 học phần trong danh mục dưới đây: | | | 12 | | |
| 9 | HSAD 607 | Medical Sociology Xã hội học y tế | 3 | USF | |
| 10 | HSAD 623 | Health Information and Analytics Thông tin Y tế và Phân tích | 3 | USF | |
| 11 | HSAD 630 | Health Care Finance Tài chính trong Dịch vụ chăm sóc sức khỏe | 3 | VNU-UEB | |
| 12 | HSAD 650 | Health Care Ethics and Decision Making Đạo đức trong Dịch vụ chăm sóc sức khỏe và Ra quyết định | 3 | VNU-UEB | |
| | HSAD 637** | Health Care Law and Compliance Luật Chăm sóc sức khỏe y tế và việc tuân thủ | 3 | VNU-UEB | |
| Supply Chain Management: Chọn 4 học phần trong danh mục dưới đây: | | | 12 | | |
| 9 | MBAD 612 | Logistics Analysis Phân tích Logistics | 3 | VNU-UEB | |
| 10 | MBAD 613 | Supply Chain Management Quản lý chuỗi cung ứng | 3 | VNU-UEB | |
| 11 | MBAD 656 | Transportation Management & Economics Quản lý và Kinh tế vận tải | 3 | USF | |
| 12 | MBAD 657 | International Logistics Management Quản lý Logistics quốc tế | 3 | USF | |
| | MBAD 614** | Sustainable Supply Chains Chuỗi cung ứng bền vững | 3 | USF | |
| | MBAD 615** | Supply Chain Logistics Strategy/ Chiến lược Logistics chuỗi cung ứng | 3 | USF | |

| | | | | | |
|--|--|---|-----------|---------|--|
| | MBAD 625** | Project Management Quản lý dự án | 3 | VNU-UEB | |
| | MBAD 655** | Business Logistics (2nd option)/ Logistics kinh doanh (lựa chọn 2) | 3 | VNU-UEB | |
| | Management/Quản trị chung Chọn 4 học phần từ bất cứ chuyên sâu nào trong chương trình | | 12 | | |

Ghi chú: * Các học phần điều kiện tiên quyết được xem xét trong bảng điểm đại học hoặc kết quả học bổ sung kiến thức, bao gồm:

- Economics/Kinh tế học (Bao gồm cả Kinh tế vi mô & Kinh tế vĩ mô)
- MKTG 175: Principles of Marketing/Nguyên lý Marketing
- ACCT 124: Survey of Accounting & Budgeting/Tổng quan về Kế toán & Lập kế hoạch ngân sách
- MGMT 150: Management & Organization Behaviour/Quản trị và Hành vi tổ chức
- FINC 242: Principles of Finance

** Các học phần không đánh số thứ tự là học phần có thể thay thế các học phần có đánh số trong trường hợp số người đăng ký học tối thiểu đạt 25 học viên.

2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức

Đối tượng ứng viên phải học các học phần bổ sung kiến thức (BSKT) là các học viên tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học các ngành không thuộc lĩnh vực kinh doanh, kế toán, kinh tế và/hoặc trong bảng điểm không có các học phần trong Danh mục học phần BSKT với số tín chỉ tương đương.

Việc học BSKT sẽ thực hiện sau khi ứng viên đã đủ điều kiện trúng tuyển, trước khi vào học chương trình chính khóa.

Danh mục các học phần bổ sung kiến thức:

| Stt | Tên học phần | Số tín chỉ | Ghi chú |
|-----|---|------------|---|
| 1 | Economics/Kinh tế học (bao gồm kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô) | 3 | Được miễn nếu bảng điểm có các môn học này với số tín chỉ tương đương |
| 2 | MKTG 175: Principles of Marketing/Nguyên lý Marketing | 3 | |
| 3 | ACCT 124: Survey of Accounting and Budgeting/Tổng quan về kế toán và Lập kế hoạch ngân sách | 3 | |
| 4 | MGMT 150: Management and Organization Behaviour/Quản trị và hành vi tổ chức | 3 | |
| 5 | FINC 242: Principles of Finance/ Nguyên lý Tài chính | 3 | |
| | Tổng | 15 | |

Phụ lục 2: Danh mục hồ sơ tuyển sinh và nhập học
(Kèm theo thông báo số /TB-ĐHKT ngày tháng năm 2023
của Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN)

I. Danh mục hồ sơ tuyển sinh

1. Đơn đăng ký học (viết bằng tiếng Anh - theo mẫu): Bản gốc và scan bản gốc;
2. Phí xét tuyển (tương đương 60 USD);
3. Bảng và Bảng điểm đại học: 01 bản sao y bản chính và scan bản gốc.
Lưu ý: (i) Bảng và Bảng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải kèm theo bản dịch công chứng ra tiếng Việt và Giấy Công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo; (ii) Trường hợp ngôn ngữ trên Bảng và Bảng điểm không phải là Tiếng Anh sẽ phải kèm bản dịch ra Tiếng Anh có công chứng và scan bản gốc dịch công chứng tiếng Anh.
4. 01 Thư giới thiệu (viết bằng tiếng Anh - theo mẫu) từ giảng viên đại học hoặc lãnh đạo cơ quan chủ quản, có bao gồm thông tin về năng lực tiếng Anh và xác nhận của cơ quan, người giới thiệu: Bản gốc và scan bản gốc;
5. Bài luận nói về mục tiêu phát triển chuyên môn nghề nghiệp của bản thân (viết bằng tiếng Anh - theo mẫu): Bản gốc và scan bản gốc;
6. 01 Sao y bản chính văn bằng hoặc Chứng chỉ tiếng Anh đạt yêu cầu (nếu có) và scan bản gốc; Trường hợp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (IELTS, TOEFL, B2/CEFR...) phải gửi trực tiếp từ cơ sở cấp chứng chỉ tới Ban xét hồ sơ hoặc nộp bản gốc;
7. Phiếu thông tin ứng viên (theo mẫu);
8. 03 ảnh màu (4x6) và 03 ảnh (3x4) chụp trong vòng 6 tháng, kiểu chân dung, ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh vào mặt sau ảnh, bỏ trong phong bì có ghi rõ họ tên, địa chỉ của thí sinh;
9. Hộ chiếu hoặc CMND/CCCD: 01 bản sao y bản chính và scan bản gốc;
10. Sơ yếu lý lịch:
 - 01 bản viết bằng tiếng Anh, ghi rõ ngày tháng, ký, ghi rõ họ tên: Bản gốc và scan bản gốc;
 - 01 bản tiếng Việt (theo mẫu của Trường ĐH Kinh tế) có xác nhận của thủ trưởng cơ quan hiện đang công tác hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú (thời hạn trong vòng 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ);
11. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của bệnh viện đa khoa hoặc trung tâm y tế cấp quận/huyện trở lên (thời hạn trong vòng 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ);
12. Bản cam đoan về tính hợp pháp của văn bằng, chứng chỉ, hồ sơ đã nộp;
Các giấy tờ liên quan khác (nếu có).

Lưu ý:

- Hồ sơ tuyển sinh không được trả lại.
- Các đối tượng sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp lệ trong các kỳ thi tuyển sinh sau đại học ở ĐHQGHN sẽ không được tham dự thi trong năm đó và 2 năm tiếp theo.

* Áp dụng trong điều kiện thực hiện giãn cách xã hội để phòng chống dịch COVID-19. Thí sinh scan hồ sơ bản gốc, lưu file dưới dạng .pdf, dung lượng dưới 2MB/file và gửi cho cán bộ tư vấn tuyển sinh theo hướng dẫn.

Phụ lục 3: Danh sách đơn vị cấp chứng chỉ ngoại ngữ được công nhận

(Kèm theo thông báo số /TB-ĐHKT ngày tháng năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN)

1. Chứng chỉ tiếng Anh Bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam) do cơ sở đào tạo trong nước cấp được Bộ Giáo dục và ĐHQGHN công nhận:

- | | |
|---|--|
| 1. Trường Đại học Sư phạm TP HCM | 14. Trường Đại học Văn Lang |
| 2. Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH Huế | 15. Trường Đại học Quy Nhơn |
| 3. Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội | 16. Trường Đại học Tây Nguyên |
| 4. Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng | 17. Trường Đại học Công nghiệp TP HCM |
| 5. Đại học Thái Nguyên | 18. Học viện Báo chí và Tuyên truyền |
| 6. Trường Đại học Cần Thơ | 19. Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP HCM |
| 7. Trường Đại học Hà Nội | 20. Học viện Khoa học quân sự |
| 8. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | 21. Trường Đại học Thương mại |
| 9. Trường Đại học Vinh | 22. Học viện Cảnh sát nhân dân |
| 10. Học viện An ninh Nhân dân | 23. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP HCM |
| 11. Trường Đại học Sài Gòn | 24. Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP HCM |
| 12. Trường Đại học Ngân hàng TP HCM | 25. Trường Đại học Bách khoa Hà Nội |
| 13. Trường Đại học Trà Vinh | |

(Danh sách này có thể bổ sung khi có thông báo của Bộ Giáo dục-Đào tạo và ĐHQGHN)

2. Cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế:

| STT | Cơ sở cấp chứng chỉ | Các chứng chỉ được công nhận | | | | | |
|-----|---|------------------------------|-------|-------|----------------|-----|--------|
| | | IELTS | TOEFL | TOEIC | Cambridge Exam | BEC | BULATS |
| 1. | Educational Testing Service (ETS) | | √ | √ | | | |
| 2. | British Council (BC) | √ | | | | | |
| 3. | International Development Program (IDP) | √ | | | | | |
| 4. | Cambridge ESOL | √ | | | √ | √ | √ |

3. Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ Ngoại ngữ

| Khung năng lực ngoại ngữ VN | IELTS | TOEFL | TOEIC (4 kỹ năng) | Cambridge Exam | BEC | BULATS | CEFR |
|-----------------------------|-------|------------------------------|-------------------|----------------|------------------|--------|------|
| Cấp độ 4 | 5.5 | 513 BPT 183 CBT 72 iBT | 785 | FCE | Business Vantage | 60 | B2 |

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Ghi chú: Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế phải được gửi trực tiếp từ cơ sở cấp chứng chỉ tới Ban xét hồ sơ tuyển sinh.